

Số: 957/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về
chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học
trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Thông báo kết luận số 336/TTHĐND ngày 25/01/2019 của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả rà soát đối với các nghị quyết của HĐND tỉnh khóa XII, khóa XIII, khóa XIV ban hành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 92/TTr-SGDĐT ngày 17/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La. Cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ, chính sách khuyến khích giảng viên, giáo viên và học sinh, học viên trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập và ngoài công lập không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo; góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Giảng viên, giáo viên đang công tác tại các trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường Cao đẳng, trường Trung cấp của tỉnh đạt thành tích cao trong công tác giảng dạy.

2.2. Học sinh, học viên đang học tập, rèn luyện tại các trường: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học của tỉnh đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; học sinh, sinh viên trúng tuyển vào các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp.

3. Nội dung khen thưởng, mức thưởng chính sách đối với học sinh, học viên, giảng viên, giáo viên

(Theo phụ lục chi tiết kèm theo)

4. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương đảm bảo.

5. Dự kiến nguồn lực

Dự kiến kinh phí (trung bình) năm 2019: 16.737, 436 triệu đồng.

Dự kiến kinh phí giảm 2.980 triệu đồng (Do bãi bỏ một số chính sách).

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo khẩn trương hoàn thiện thủ tục, hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết theo quy định, trình UBND tỉnh phê duyệt, trình Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh thẩm tra, cho chủ trương làm cơ sở triển khai quy trình xây dựng Nghị quyết để trình kỳ họp lần thứ 9, HĐND tỉnh khóa XIV xem xét, thông qua đồng thời thay thế Nghị quyết số 82/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 82/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KGVX.H.A, 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thủy

PHỤ LỤC
MỨC CHI THƯỞNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết số 956 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	Ghi chú
I	CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI HỌC SINH, HỌC VIÊN		
1	Chế độ thưởng đối với học sinh, học viên đạt giải qua các kỳ thi chọn học sinh giỏi		
1.1	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện.		
a	Học sinh đạt giải nhất.	800.000	
b	Học sinh đạt giải nhì.	500.000	
c	Học sinh đạt giải ba.	300.000	
d	Học sinh đạt giải khuyến khích.	200.000	
1.2	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh.		
a	Học sinh đạt giải nhất.	1.500.000	
b	Học sinh đạt giải nhì.	800.000	
c	Học sinh đạt giải ba.	600.000	
d	Học sinh đạt giải khuyến khích.	300.000	
1.3	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.		
a	Học sinh đạt giải nhất.	10.000.000	
b	Học sinh đạt giải nhì.	8.000.000	
c	Học sinh đạt giải ba.	6.000.000	
d	Học sinh đạt giải khuyến khích.	4.000.000	
1.4	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc tế.		
a	Học sinh đạt huy chương vàng.	50.000.000	
b	Học sinh đạt huy chương bạc.	40.000.000	
c	Học sinh đạt huy chương đồng.	30.000.000	
2	Chế độ thưởng đối với học sinh, học viên các trường phổ thông đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện		
2.1	Chế độ thưởng cho HS đạt thành tích cao trong cả cấp học		
a	Học sinh Tiểu học có tất cả các năm học trong cấp học đạt thành tích: Năm học 2015 - 2016 kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục ở mức Hoàn thành, Năng lực và phẩm chất đều ở mức Đạt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn đạt từ điểm 9 trở lên. Từ năm học 2016 - 2017 trở đi hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện.	1.500.000	

b	Học sinh cấp Trung học cơ sở có tất cả các năm học trong cấp học được xếp loại học lực giỏi, hạnh kiểm tốt.	2.300.000	
c	Học sinh, học viên cấp Trung học phổ thông có tất cả các năm học trong cấp học được xếp loại học lực giỏi, hạnh kiểm tốt.	3.000.000	
d	Riêng học sinh Tiểu học mà bản thân và bố mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh có tất cả các năm học trong cấp học đạt thành tích: Năm học 2015 - 2016 và các năm tiếp theo có kết quả đánh giá các môn học đạt mức hoàn thành; năng lực và phẩm chất ở mức đạt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt từ điểm 7 trở lên.	1.500.000	
e	Riêng học sinh Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, có hộ khẩu thường trú tại các xã, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh, có kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm từ khá trở lên trong tất cả các năm học của cấp học thì được hưởng chế độ theo mức thưởng tương ứng nêu trên.		
2.2	Chế độ thưởng học sinh, học viên có thành tích cao trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông.		
a	Có kết quả xếp loại tốt nghiệp giỏi.	1.500.000	
2.3	Ngoài chế độ thưởng theo quy định tại Tiết a, b - Điểm 1.2 - Khoản 1 của Phụ lục này, học sinh là người dân tộc: Mông, Dao, Khơ Mú, La Ha, Kháng, Sinh Mun, Lào; học sinh là con liệt sỹ, con thương binh hạng 1/4; học sinh khuyết tật được xét thưởng theo từng năm học.		
a	Học sinh cấp tiểu học:		
	- Hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện.	800.000	
	- Có kết quả đánh giá các môn học đạt mức hoàn thành; năng lực và phẩm chất ở mức đạt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt từ điểm 7 trở lên.	500.000	
b	Học sinh cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông:		
	- Có kết quả xếp loại cả năm: Học lực giỏi, hạnh kiểm tốt	800.000	
	- Có kết quả xếp loại cả năm: Học lực giỏi, hạnh kiểm khá	600.000	
	- Có kết quả xếp loại cả năm: Học lực khá, hạnh kiểm khá trở lên	500.000	
3	Chế độ hỗ trợ đối với học sinh học trường Trung học phổ thông Chuyên		
3.1	Hỗ trợ sinh hoạt phí cho những học sinh có hộ khẩu thường trú cách trường 15 km trở lên, phải ở nội trú tại trường hoặc phải ở trọ, mức hỗ trợ tính theo thời gian ở nội trú.	150.000 đồng/tháng	
3.2	Đối với học sinh là người dân tộc: Mông, Dao, Khơ Mú, Kháng, Sinh Mun, Lào; học sinh là con liệt sỹ, con thương binh hạng 1/4 được ưu tiên sắp xếp chỗ ở nội trú và hỗ trợ sinh hoạt phí bằng mức học bổng của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú. Riêng học sinh là người dân tộc La Ha ngoài chính sách hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ, hỗ trợ thêm sinh hoạt phí để được bằng mức học bổng của học sinh dân tộc La Ha học tại trường phổ thông dân tộc nội trú.		
4	Chế độ hỗ trợ đối với học sinh là người dân tộc Mông, Dao, Khơ Mú, La Ha, Kháng, Sinh Mun, Lào; học sinh là con liệt sỹ, con thương binh hạng 1/4 trúng tuyển qua kỳ thi tuyển		

	hoặc xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp được hỗ trợ 1 lần/1 học sinh cho cả khóa học		
4.1	Trúng tuyển vào trường Đại học	3.000.000	
4.2	Trúng tuyển vào trường Cao đẳng	2.000.000	
4.3	Trúng tuyển vào trường Trung cấp	1.000.000	
4.4	Riêng học sinh nữ trúng tuyển được hỗ trợ thêm	1.000.000	
5	Chế độ thưởng đối với học sinh đạt giải qua các kỳ thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo tổ chức		
5.1	Thi giải toán, tiếng Anh trên mạng Internet		
a	Cấp huyện		
	- Giải nhất	300.000	
	- Giải nhì	200.000	
	- Giải ba	150.000	
	- Giải khuyến khích	100.000	
b	Cấp tỉnh		
	- Giải nhất	500.000	
	- Giải nhì	400.000	
	- Giải ba	300.000	
	- Giải khuyến khích	200.000	
c	Cấp Quốc gia		
	- Giải nhất	1.000.000	
	- Giải nhì	800.000	
	- Giải ba	600.000	
	- Giải khuyến khích	400.000	
5.2	Thi khoa học kỹ thuật cho học sinh trung học		
*	Giải thưởng cá nhân		
a	Cấp huyện		
	- Giải nhất	400.000	
	- Giải nhì	300.000	
	- Giải ba	200.000	
	- Giải khuyến khích	100.000	
b	- Cấp tỉnh		
	- Giải nhất	500.000	
	- Giải nhì	400.000	
	- Giải ba	300.000	
	- Giải khuyến khích	200.000	
c	Cấp Quốc gia		
	- Giải nhất	1.000.000	

	- Giải nhì	800.000	
	- Giải ba	600.000	
	- Giải khuyến khích	300.000	
*	Giải thưởng tập thể		
a	Cấp tỉnh		
	- Giải nhất	1.500.000	
	- Giải nhì	800.000	
	- Giải ba	600.000	
	- Giải khuyến khích	400.000	
b	Cấp Quốc gia		
	- Giải nhất	2.000.000	
	- Giải nhì	1.500.000	
	- Giải ba	1.000.000	
	- Giải khuyến khích	800.000	
5.3	Thi quốc phòng - an ninh cho học sinh trung học		
a	Cấp huyện		
	- Giải nhất	400.000	
	- Giải nhì	300.000	
	- Giải ba	200.000	
	- Giải khuyến khích	100.000	
b	Cấp tỉnh		
	- Giải nhất	500.000	
	- Giải nhì	400.000	
	- Giải ba	300.000	
	- Giải khuyến khích	200.000	
c	Cấp Quốc gia		
	- Giải nhất	1.000.000	
	- Giải nhì	800.000	
	- Giải ba	600.000	
	- Giải khuyến khích	300.000	
II	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN		
1	Chế độ thưởng đối với giảng viên, giáo viên các cấp học, ngành học được công nhận là giáo viên dạy giỏi qua các kỳ thi: cấp trường; cấp huyện, thành phố; cấp tỉnh và cấp quốc gia		
a	Giáo viên dạy giỏi cấp trường, được chọn đi dự thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh (đối với giảng viên, giáo viên trường Cao đẳng, Trung cấp, trường Trung học phổ thông)	800.000	

b	Giáo viên dạy giỏi cấp huyện, thành phố (đối với giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở)	1.500.000	
c	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	3.000.000	
d	Giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia	5.000.000	
2	Chế độ thưởng đối với giáo viên trực tiếp dạy bộ môn có học sinh đạt giải qua kỳ thi chọn học sinh giỏi từ cấp huyện, thành phố trở lên (tính theo số học sinh đạt giải)		
a	Cấp huyện		
	- Giáo viên có học sinh đạt giải nhất	800.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải nhì	500.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải ba	300.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải khuyến khích	200.000	
b	Cấp tỉnh		
	- Giáo viên có học sinh đạt giải nhất	1.500.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải nhì	800.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải ba	600.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải khuyến khích	300.000	
c	Cấp quốc gia		
	- Giáo viên có học sinh đạt giải nhất	3.000.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải nhì	2.300.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải ba được	1.500.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt giải khuyến khích	800.000	
d	Cấp quốc tế		
	- Giáo viên có học sinh đạt huy chương vàng	8.000.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt huy chương bạc	5.000.000	
	- Giáo viên có học sinh đạt huy chương đồng	3.000.000	
3	Chế độ đối với giáo viên trực tiếp ôn luyện cho đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp		
a	Chế độ thù lao ôn luyện		
	- Ôn luyện đội tuyển dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (đối với các trường Trung học phổ thông và các phòng giáo dục): Định mức thanh toán tối đa 60 tiết/1 môn/1 đợt ôn luyện.	45.000 đồng/tiết	
	- Ôn luyện đội tuyển dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (đối với cấp trường trung học phổ thông trừ Trường THPT chuyên): định mức thanh toán tối đa 120 tiết/1 môn/1 đợt ôn luyện.	60.000 đồng/tiết	
b	Chế độ thưởng đối với giáo viên trực tiếp ôn luyện từng bộ môn có học sinh đạt giải qua kỳ thi chọn học sinh giỏi từ cấp huyện, thành phố trở lên (tính theo số học sinh đạt giải)		
	- Cấp huyện		
	Giáo viên có học sinh đạt giải nhất	400.000	

	Giáo viên có học sinh đạt giải nhì	300.000	
	Giáo viên có học sinh đạt giải ba	200.000	
	Giáo viên có học sinh đạt giải khuyến khích	100.000	
	- Cấp tỉnh		
	Giáo viên có học sinh đạt giải nhất	800.000	
	Giáo viên có học sinh đạt giải nhì	400.000	
	Giáo viên có học sinh đạt giải ba	300.000	
	Giáo viên có học sinh đạt giải khuyến khích	200.000	
	- Cấp quốc gia		
	Giáo viên có học sinh đạt giải nhất	1.500.000	
	Giáo viên có học sinh đạt giải nhì	1.200.000	
	Giáo viên có học sinh đạt giải ba	800.000	
	Giáo viên có học sinh đạt giải khuyến khích	500.000	
4	Chế độ thưởng cho giáo viên hướng dẫn có học sinh đạt giải tại cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cho học sinh trung học (tính theo số học sinh đạt giải)		
	- Cấp tỉnh		
	Giải nhất	1.000.000	
	Giải nhì	500.000	
	Giải ba	400.000	
	Giải khuyến khích	200.000	
	- Cấp quốc gia		
	Giải nhất	2.000.000	
	Giải nhì	1.500.000	
	Giải ba	1.000.000	
	Giải khuyến khích	500.000	
5	Chế độ thưởng cho giáo viên làm tổng phụ trách Đội giỏi		
	Cấp huyện, thành phố	1.500.000	
	Cấp tỉnh	3.000.000	
	Cấp quốc gia	5.000.000	
6	Chế độ thưởng cho giáo viên chủ nhiệm giỏi		
	Cấp huyện, thành phố	1.000.000	
	Cấp tỉnh	1.500.000	
	Cấp quốc gia	3.000.000	